

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA
NO VA LAND INVESTMENT
GROUP CORPORATION**

---oOo---

Số/ No.:...../2020-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

---oOo---

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020
Ho Chi Minh City, 2020

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA**
**RESOLUTION OF THE 2020 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
The Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 issued by National Assembly dated on November 26th, 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");
*The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("**The Company**");*
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
The Company's separate and consolidated financial statements for 2019 are audited by PwC (Vietnam) Limited;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty ("**ĐHĐCĐ**") ngày/....../2020.
*The Meeting minutes of the 2020 Annual General Meeting of Shareholders ("**GMS**") dated , 2020.*

**QUYẾT NGHỊ
RESOLVES**

ĐIỀU 1: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

ARTICLE 1: *Approval of The Company's separate and consolidated financial statement for 2019 are audited by PwC (Vietnam) Limited, with the key indicators as follow:*

I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán:
Audited Consolidated Financial Statements 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng
Unit: VND million

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET			
STT / NO.	Chỉ tiêu / Key Figures	31/12/2019 December 31st, 2019	31/12/2018 December 31st, 2018
I	Tài sản / Assets	89.979.243	69.122.127
1	Tài sản ngắn hạn / <i>Current Assets</i>	71.194.821	50.081.022
2	Tài sản dài hạn / <i>Non-current Assets</i>	18.784.422	19.041.105

II	Nguồn vốn / Resources	89.979.243	69.122.127
1	Nợ phải trả / Liabilities	65.518.169	49.152.327
2	Vốn chủ sở hữu / Owners' Equity	24.461.074	19.969.800
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT			
1	Doanh thu thuần / Net Revenue	10.930.983	15.290.277
2	Lợi nhuận trước thuế / Net Profit Before Tax	4.272.236	4.685.614
3	Lợi nhuận sau thuế / Net Profit After Tax	3.387.322	3.278.949

II. Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán:
Audited Separate Financial Statements 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng
Unit: VND million

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET			
STT / NO.	Chỉ tiêu / Key Figures	31/12/2019 December 31st, 2019	31/12/2018 December 31st, 2018
I	Tài sản / Assets	43.330.053	39.620.320
1	Tài sản ngắn hạn / Current Assets	5.936.998	9.842.808
2	Tài sản dài hạn / Non-current Assets	37.393.055	29.777.512
II	Nguồn vốn / Resources	43.330.053	39.620.320
1	Nợ phải trả / Liabilities	26.435.428	23.324.964
2	Vốn chủ sở hữu / Owners' Equity	16.894.625	16.295.356
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT			
1	Doanh thu thuần / Net Revenue	1.263.810	3.803.674
2	Lợi nhuận trước thuế / Net Profit Before Tax	434.354	1.809.394
3	Lợi nhuận sau thuế / Net Profit After Tax	434.354	1.469.560

ĐIỀU 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện./.

ARTICLE 2: This Resolution shall be effective from the date of signing. The Board of Directors and related individuals base on the content of this Resolution to implement./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD

BÙI THÀNH NHƠN